UBND THÀNH PHỐ GIA NGHĨA **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG TH&THCS TRẦN VĂN ƠN** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

 Số: 19/ KH -TVO *Đắk Nia, ngày 20 tháng 8 năm 2021*

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG**

**TỪ NĂM 2021 ĐẾN 2023**

 Căn cứ Quyết định số 17/QD-UBND, ngày 13/1/2020 của UBND Thành phố Gia Nghĩa về việc sát nhập trường TH Trần Văn Ơn và trường THCS Phạm Hồng Thái để thành lập trường TH&THCS Trần Văn Ơn;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 14/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019, Luật số 43/2019 cuả QuốcOiijH sà Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29, Khóa XI của BCH TW Đảng vể “ Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”;

**Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo** dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Tiểu học;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/ThU, ngày 19/8/2021 của Thành ủy Gia Nghĩa về phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo Thành phố Gia Nghĩa giai đoạn 2021- 2025;

**I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm học 2020-2021**

**1. Thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo ở địa phương năm học 2020-2021**

\* Cơ sở vật chất: Gồm:

 - 18 phòng học, đủ cho 18 lớp học

 - 06 phòng làm việc hành chính, 01 hội đồng, 01 phòng thư viện,01 phòng Y tế, 01 phòng thiết bị, 01 phòng tiếng Anh, 01 phòng Tin học và 01 phòng dạy giáo án điện tử; 01 phòng Đoàn, đội, 01 phòng truyền thống.

 \*Đội ngũ quản lý:

 - Gồm 02 người, đạt trình độ chuẩn theo quy định.

 - Luôn gương mẫu, đi đầu trong chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà trường. Gương mẫu chấp hành quy chế của ngành, của trường và kỷ luật lao động. Có trách nhiệm trong quản lý nhà trường, có ý thức đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, thực hiện dân chủ trong nhà trường.

 \* Đội ngũ giáo viên – nhân viên:

 - Gồm 35 người (01bảo vệ), theo đúng tiêu chuẩn quy định: chất lượng giáo viên – nhân viên đáp ứng yêu cầu.

 - Trên chuẩn: 00

 - Đạt chuẩn: 25

 - Chưa đạt chuẩn: 10 (tất cả đang theo học lớp Đạo học)

 - Hiện tại tất cả giáo viên đều đang theo học các hình thức đào tại để đạt chuẩn trình độ đào tạo; là những giáo viên trẻ, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, nhiệt tình, tận tâm với nghề.

 \* Chất lượng học sinh năm học 2020-2021:

 - Số lớp: 18; tổng số học sinh: 447 em

 - Xếp loại hai mặt giáo dục:

 \* Bậc THCS

**- Hạnh kiểm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TSHS** | **Tốt** | **Khá** | **Trung bình** | **Yếu** | **Không xếp loại** |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| **232** | **180** | **77,6** | **52** | **22,4** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |

* **Học lực**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TSHS** | **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Yếu** | **Chưa xếp loại** |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| **234** | **04** | **1,72** | **47** | **20,26** | **169** | **72,84** | **11** | **4.74** | **01** | **0** |

\* Bậc Tiểu học

**-** Tổng số học sinh: 229 em. Trong đó:

+ Tổng số học sinh Hoàn thành chương trình lớp học: 216/229,đạt 94,3%.

+ Tổng số học sinh HTCTTH: 38/38 đạt 100 %.

 Tổng số học sinh 213 em, trong đó học sinh hoàn thành chương trình lớp học 205/203 đạt 96,2%; tổng số HS hoàn thành chương trình TH 42/42 em.

Nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động Tiên tiến theo Quyết định 1108/QĐ-UBND ngày 18/9/2021 của UBND thành Phố Gia Nghĩa.

- Đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp: 13/28 GV hoàn thành tốt nhiệm vụ (Đạt 46%) ; 15/28 giáo viên hoàn thành khá (tỷ lệ 54%)

- Phân loại công chức, viên chức: 36/36 CBGVNV; hoàn thành xuất sắc 05 và hoàn thành tốt nhiệm vụ 28, hoàn thành nhiệm vụ 02.

- 5 đề tài sáng kiến kinh nghiệm đạt cấp thị 03 B và 02 loại C

-Hội đồng TĐKT nhà trường đề nghị các cấp tặng danh hiệu thi đua và giấy khen cho 04 cán bộ, giáo viên đạt danh hiệu CSTĐ, 24 CB-GV-NV đạt danh hiệu lao động tiến tiến, 34 CBGVNV hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Đạt 01Giải nhì, 01 giải khuyến khích cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp thành phố.

- Tham gia ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc tỉnh Đăk Nông đạt 4 giải

- Học sinh được nhận tốt nghiệp: 51/51 em. Trong đó xếp loại Giỏi: 01 em (1.9%), khá: 13 em(25.49%), TB: 37 em (72.55%). Tỉ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp so với năm học trước được duy trì

 - Các hoạt động của nhà trường được các cấp đánh giá cao.

 \* Nguồn lực tài chính:

 - Ngân sách cấp về đầy đủ theo đúng chế độ.

 \* Mối quan hệ hợp tác với chính quyền địa phương:

 Chính quyền địa phương cũng như ngành giáo dục rất quan tâm tới cơ sở vật chất – chất lượng giáo dục của nhà trường.

**2. Bối cảnh giáo dục của quốc gia, địa phương và nhà trường**

**2.1. Bối cảnh bên ngoài**

#  2.1.1 Thời cơ.

 - Trường TH&THCS Trần Văn Ơn ngày càng tạo sự an tâm đối với phụ huynh, với xã hội nên đã tin tưởng và mến gửi con em vào nhà trường để học tập và rèn luyện.

Chính sách quốc gia về đầu tư, đổi mới GD từng bước cải thiện giúp cho Kế hoạch GD trong nhà trường được triển khai đồng bộ, đúng quy định.

 Chính quyền đia phương quan tâm đến đổi mới CTGDPT 2018, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu dạy và học, quan tâm công công tác giáo dục dân tộc tạo điều kiện cho Kế hoạch GD trong nhà trường được triển khai đồng bộ, đúng quy định.

- Kinh tế quốc gia ngày càng phát triển, ngân sách dành cho giáo dục ngày càng tăng quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

-Trình độ dân trí ngày càng cao thuận lợi cho nhà trường triển khai đồng bộ chương trình GDPT 2018.

-Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục trên khung chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

 1.1.2**. Thách thức:**

 - Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp cũng như giá nông sản hạ do đó kéo theo kinh tế địa phương gặp không ít khó khăn.

- Nhu cầu học tập của học sinh và học sinh ngày càng cao.

 - Chất lượng quản lý, chất lượng giáo viên, chất lượng nhân viên đòi hỏi phải đáp ứng.

 - Phụ huynh là người dân tộc thiểu số chiếm khoảng 70% họ chủ yếu lo làm nương rẫy, chưa thực sự quan tâm đúng mức đến việc học tập của con em những năm gần đây đã có sự tiến bộ trong nhận thức nhưng cũng chỉ khoảng 30% phụ huynh có quan tâm, chăm lo đến việc học tập của con em. Học sinh người DTTS còn thụ động trong học tập, việc phát huy năng lực HS khó thực hiện.

 - Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy đòi hỏi cán bộ, giáo viên phải có sự đổi mới.

 - Nếu tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp phải dạy học online nhà trường gặp nhiều khó khăn do điều kiện kinh tế của phụ huynh, tính tự giác của học sinh chưa thật sự tốt.

**2.2. Bối cảnh bên trong.**

**2.2.1 Điểm mạnh của nhà trường.**

- CBQL 2 đồng chí có trình đạt chuẩn cả về chuyên môn lân lý luận chính trị, hiệu trưởng có 02 chuyên môn ĐHSP sinh học và CĐSP tin học; cán bộ quản lý năng động, sáng tạo trong công tác quản lí, chỉ đạo, tác phong làm việc khoa học sâu sát, tác động lớn đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

 - Nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động Tiên tiến theo Quyết định 1108/QĐ-UBND ngày 18/9/2021 của UBND thành Phố Gia Nghĩa.

- Đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp: 26/28 GV hoàn thành tốt nhiệm vụ (Đạt 92.86%) ; 02/28 giáo viên hoàn thành khá (tỷ lệ 7.14%)

- Phân loại công chức, viên chức: 36/36 CBGVNV hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ (tỷ lệ 100%)

- Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình trong công tác giảng dạy, trình độ đạt chuẩn 20, chiếm 58% đảm bảo tiếp cận tốt chương trình phổ thông năm 2018 nhà trường có đủ giáo viên giảng dạy các bộ môn theo quy định, có 89% giáo viên tích cực trong việc đổi mới PP, tổ chức hoạt động dạy học.

- CSVC nhà trường cơ bản đáp ứng các tiêu chí trường chuẩn quốc gia, trong thời gian tới tu sữa cải tạp phòng thực hành, bộ môn để xây dựng trường chuẩn năm học 2022-2023

- Kinh phí nhà nước cấp hàng năm đảm bảo chi lương và chi thường xuyên.

- Tổ chức dạy – học đủ các bộ môn theo quy định. Chú trọng đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá theo quy định của ngành.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT thành phố Gia nghĩa, đặc biệt là văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về chương trình GDPT 2018[[1]](#footnote-1)

2.**2.2. Điểm yếu:**

- 75% là học sinh đồng bào dân tộc thiểu số do đó chất lượng học sinh đại trà chưa cao; 50 % học sinh ý thức học tập chưa tốt; Kĩ năng tự học, hoạt động nhóm cũng như kĩ năng sống của học sinh còn hạn chế mất nhiều thời gian để hình thành năng lực cho học sinh, nhất là hs lớp1 và lớp 6.

- Đồ dùng, thiết dạy dạy học chưa đầy đủ, còn thiếu dụng cụ, hóa chất thực hành mộ môn.

- Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kĩ năng còn ít dẫn đến kế hoạch giáo dục kĩ năng sống và vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho HS chưa hiệu quả.

- 70% Học sinh là người DTTS còn thụ động trong học tập, việc phát huy năng lực HS khó thực hiện.

 \* Đội ngũ giáo viên:

 - Một bộ phận giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, giáo dục học sinh; công tác phụ đạo học sinh yếu kém còn hạn chế.

 - Học sinh chưa xác định được động cơ học tập, đa số học sinh là con em dân tộc nên mức độ quan tâm còn hạn chế do đó dẫn đến tỷ lệ học sinh yếu còn cao, học sinh bỏ học nhiều, học sinh mũi nhọn chiếm tỷ lệ ít.

 - Nguồn tài chính: Còn eo hẹp, chưa đáp ứng yêu cầu của giáo dục; công tác huy động tài trợ cho giáo dục hầu như không thực hiện được.

 **3. Định hướng xây dựng kế hoạch nhà trường**

Các văn kiện của Đảng và Nhà nước về đổi mới chương trình, sách giáo khoa, giáo dục phổ thông đều xác định yêu cầu đổi mới CT GDPT theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Gia Nghĩa; Nghị quyết đại Hội Đảng bộ xã Đắk Nia.

Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 25/5/2020 của UBND thành phố Gia Nghĩa về triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 18/9/2018 của UBND thị xã Gia Nghĩa về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa).

Tập trung triển khai nhiệm vụ “đổi mối mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục – đào tạo, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; có chính sách thu hút đầu tư xây dựng trường chất lượng quốc tế, thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục” mà Chương trình số 01-CTr/ThU, ngày 21/8/2020 về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Gia Nghĩa lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã đề ra; Triển khai thực hiện các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Nghị Quyết của Đảng ủy xã Đắk Nia về phát triển giáo dục và đào tạo nói chung và trường TH&THCS Trần Văn Ơn.

- Phát huy tối đa sở trường cá nhân của giáo viên để đưa đến học sinh phương pháp giáo dục hiện đại, kỹ năng truyền đạt sinh động. Xây dựng môi trường học tập thân thiện, tích cực, văn minh giúp học sinh phát triển tối đa năng lực, năng khiếu tiềm ẩn của cá nhân.

- Xây dựng môi trường học tập lành mạnh phù hợp với địa phương xã Đắk Nia, thân thiện, tích cực có nề nếp, kỷ cương, đạt chất lượng giáo dục cao đễ mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng của mình vào cuộc sống, biết giữ gìn và phát huy truyền thống bản sắc dân tộc.

 - Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học và công tác quản lý.

**II. Kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2021 đến 2023**:

1. **Quy mô lớp và học sinh**
* **Năm học 2020-2021**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Tổng số HS** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Nữ dân tộc** | **Ghi chú** |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | 6A | 39 | 20 | 51.3 | 29 | 74.4 | 16 | 41.0 |  |
| 2 | 6B | 38 | 14 | 36.8 | 27 | 71.1 | 7 | 18.4 |  |
| 3 | 7A | 29 | 15 | 51.7 | 17 | 58.6 | 10 | 34.5 |  |
| 4 | 7B | 32 | 18 | 56.3 | 20 | 62.5 | 13 | 40.6 |  |
| 5 | 8A | 29 | 12 | 41.4 | 22 | 75.9 | 10 | 34.5 |  |
| 6 | 8B | 27 | 14 | 51.9 | 19 | 70.4 | 9 | 33.3 |  |
| 7 | 9A | 24 | 12 | 50.0 | 17 | 70.8 | 9 | 37.5 |  |
| 8 | 9B | 25 | 14 | 56.0 | 17 | 68.0 | 13 | 52.0 |  |
| Tổng THCS | 243 | 119 | 48.97% | 168 | 69.14% | 87 | 51.79% |  |
| 9 | 1A1 | 32 | 14 | 43.75 | 28 | 87.50 | 12 | 37.50 |  |
| 10 | 1A2 | 31 | 18 | 58.06 | 29 | 93.55 | 17 | 54.84 |  |
| 11 | 2A1 | 20 | 11 | 55.00 | 15 | 75.00 | 10 | 50.00 |  |
| 12 | 2A2 | 20 | 10 | 50.00 | 15 | 75.00 | 7 | 35.00 |  |
| 13 | 3A1 | 20 | 11 | 55.00 | 18 | 90.00 | 10 | 50.00 |  |
| 14 | 3A2 | 20 | 13 | 65.00 | 12 | 60.00 | 7 | 35.00 |  |
| 15 | 4A1 | 23 | 13 | 56.52 | 20 | 86.96 | 13 | 56.52 |  |
| 16 | 4A2 | 24 | 15 | 62.50 | 15 | 62.50 | 10 | 41.67 |  |
| 17 | 5A1 | 20 | 12 | 60.00 | 14 | 70.00 | 8 | 40.00 |  |
| 18 | 5A2 | 17 | 10 | 58.82 | 13 | 76.47 | 9 | 52.94 |  |
| Tổng TH | 227 | 127 | 55.95% | 122 | 53.74% | 74 | 60.66% |  |
| Tổng 2 bậc học | 470 | 246 | 52.34% | 290 | 61.70% | 161 | 1 |  |

**- Năm học 2021-2022 (dự kiến)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Tổng số HS** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Nữ dân tộc** | **Ghi chú** |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | 6A | 23 | 15 |  | 25 |  |  |  |  |
| 2 | 6B | 24 | 17 |  | 28 |  |  |  |  |
| 3 | 7A | 39 | 20 | 51.3 | 29 | 74.4 | 16 | 41.0 |  |
| 4 | 7B | 38 | 14 | 36.8 | 27 | 71.1 | 7 | 18.4 |  |
| 5 | 8A | 29 | 15 | 51.7 | 17 | 58.6 | 10 | 34.5 |  |
| 6 | 8B | 32 | 18 | 56.3 | 20 | 62.5 | 13 | 40.6 |  |
| 7 | 9A | 29 | 12 | 41.4 | 22 | 75.9 | 10 | 34.5 |  |
| 8 | 9B | 27 | 14 | 51.9 | 19 | 70.4 | 9 | 33.3 |  |
| Tổng THCS | 241 | 125 | 47.54% | 187 | 65.85% | 65 | 34.76% |  |
| 9 | 1A1 | 25 | 18 |  | 18 |  |  |  |  |
| 10 | 1A2 | 25 | 17 |  | 17 |  |  |  |  |
| 11 | 2A1 | 32 | 14 | 43.75 | 28 | 87.50 | 12 | 37.50 |  |
| 12 | 2A2 | 31 | 18 | 58.06 | 29 | 93.55 | 17 | 54.84 |  |
| 13 | 3A1 | 20 | 11 | 55.00 | 15 | 75.00 | 10 | 50.00 |  |
| 14 | 3A2 | 20 | 10 | 50.00 | 15 | 75.00 | 7 | 35.00 |  |
| 15 | 4A1 | 20 | 11 | 55.00 | 18 | 90.00 | 10 | 50.00 |  |
| 16 | 4A2 | 20 | 13 | 65.00 | 12 | 60.00 | 7 | 35.00 |  |
| 17 | 5A1 | 23 | 13 | 56.52 | 20 | 86.96 | 13 | 56.52 |  |
| 18 | 5A2 | 24 | 15 | 62.50 | 15 | 62.50 | 10 | 41.67 |  |
| Tổng TH | 240 | 140 | 55.00% | 152 | 58.46% | 86 | 56.58% |  |
| Tổng 2 bậc học | 481 | 265 | 51.10% | 339 | 62.32% | 151 | 1 |  |

**- Năm học 2022-2023 (dự kiến)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Tổng số HS** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Nữ dân tộc** | **Ghi chú** |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | 6A | 35 | 20 |  | 18 |  |  |  |  |
| 2 | 6B | 35 | 18 |  | 17 |  |  |  |  |
| 3 | 6C | 32 | 17 |  | 20 |  |  |  |  |
| 4 | 7A | 34 | 20 |  | 25 |  |  |  |  |
| 5 | 7B | 40 | 22 |  | 28 |  |  |  |  |
| 6 | 8A | 39 | 20 | 51.3 | 29 | 74.4 | 16 | 41.0 |  |
| 7 | 8B | 38 | 14 | 36.8 | 27 | 71.1 | 7 | 18.4 |  |
| 8 | 9A | 29 | 15 | 51.7 | 17 | 58.6 | 10 | 34.5 |  |
|  | 9B | 32 | 18 | 56.3 | 20 | 62.5 | 13 | 40.6 |  |
| Tổng THCS | 314 | 164 | 196.1 | 201 | 266.6 | 46 | 134.5 |  |
| 9 | 1A1 | 29 | 15 |  | 19 |  |  |  |  |
| 10 | 1A2 | 29 | 16 |  | 18 |  |  |  |  |
| 11 | 1A3 | 28 | 15 |  | 17 |  |  |  |  |
|  | 2A1 | 35 | 18 |  | 18 |  |  |  |  |
| 12 | 2A2 | 35 | 20 |  | 17 |  |  |  |  |
| 13 | 3A1 | 32 | 14 | 43.75 | 28 | 87.50 | 12 | 37.50 |  |
| 14 | 3A2 | 31 | 18 | 58.06 | 29 | 93.55 | 17 | 54.84 |  |
| 15 | 4A1 | 20 | 11 | 55.00 | 15 | 75.00 | 10 | 50.00 |  |
| 16 | 4A2 | 20 | 10 | 50.00 | 15 | 75.00 | 7 | 35.00 |  |
| 17 | 5A1 | 20 | 11 | 55.00 | 18 | 90.00 | 10 | 50.00 |  |
| 18 | 5A2 | 20 | 13 | 65.00 | 12 | 60.00 | 7 | 35.00 |  |
| Tổng TH | 299 | 161 | 326.8 | 206 | 481.1 | 63 | 262.3 |  |
| Tổng 2 bậc học | 613 | 325 | 522.91 | 407 | 747.65 | 109 | 396.84 |  |

1. **Định hướng thực hiện chương trình dạy học**
	1. Năm học 2021-2022

Khối lớp 1, lớp 2, lớp 6 (6 lớp, mỗi khối 2 lớp) thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT 2018).

Khối lớp 3, 4, 5, 7, 8, 9 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và cấp trên [[2]](#footnote-2).

* 1. Năm học 2022-2023

Khối lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6, lớp 7 (10 lớp, mỗi khối 2 lớp) thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT 2018).

Khối lớp 4, 5, 8, 9 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và cấp trên.

 3**. Tầm nhìn:**

 - Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia vào năm học 2022-2023

 - Trường có chất lượng giáo dục ở mức khá trở lên.

 - Là nơi giáo viên, học sinh và phụ huynh tin tưởng vào chất lượng dạy –học.

 4**. Sứ mệnh:**

 Trường nằm ở xa trung tâm Thành phố nên: Tập thể nhà trường phấn đấu tạo dựng được môi trường học tập lành mạnh, thân thiện về nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục ở mức khá trở lên và từ từ nâng tầm là đơn vị được phụ huynh tin tưởng, được cấp trên đánh giá là đơn vị có chất lượng.

 5**. Giá trị cơ bản:**

 - Xây dựng cho học sinh lòng tự tin trong học tập, tính đoàn kết, lòng nhân ái và tinh thần trách nhiệm..;

 - Lòng tự trọng, tính trung thực và sự hợp tác;

 - Tính sáng tạo và khát vọng vươn lên trong cuộc sống.

**III. Mục tiêu chiến lược**:

 **1. Mục tiêu chung năm học 2021-2022:**

 - Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

 - Tạo điều kiện để giáo viên đi học đạt chuẩn và trên chuẩn.

 - Xây dựng nhà trường luôn đạt an toàn trường học.

 - Xây dựng mô hình trường học an toàn với hệ thống Camera giám sát.

 - Giảm tỷ lệ bỏ học đến mức thấp nhất.

 **2. Mục tiêu cụ thể:**

 \* Về phát triển đội ngũ:

 - Năm 2021 – 2022: 34 cán bộ, giáo viên, công nhân viên

 Trong đó, đạt chuẩn đào tạo 73.5%; chuẩn nghề nghiệp 100%.

 \* Số khối lớp:

 - Năm 2021 – 2022: 18 lớp, mỗi khối 02 lớp.

\* Chất lượng học sinh

 + Năm học 2021 – 2022:

* Học lực: Giỏi 2%; Khá 30%; Trung bình 60%; Giảm tỷ lệ yếu kém.
* Hạnh kiểm: Tốt, khá 90%; Giảm hạnh kiểm Trung bình ,Yếu.

\* Về cơ sở vật chất:

 + Xây dựng khu giáo dục thể chất tạo sân chơi học tập cho học sinh.

 + Tu sửa sân trường, hệ thống công trình vệ sinh, phòng thư viện, các phòng học bộ môn, phòng truyền thống…

 \* Chuẩn đầu ra:

 - Năm 2021 – 2022: Tốt nghiệp THCS 100%

 \* Trình độ tin học ngày càng nâng cao, 100% UDCNTT trong dạy học và các hoạt động phụ vụ dạy học :

 - Năm 2021 – 2022: 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng thành thạo tin học và sử dụng tốt các phần mềm theo yêu cầu.

 \* Tài chính: Thực hiện theo dự toán ngân sách cấp trên giao

**IV. Giải pháp thực hiệnchiến lược**:

 Nâng cao vai trò lãnh đạo của Chi bộ Đảng, chính quyền đặc biệt là người đứng đầu các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, lấy phương châm Đảng lãnh đạo, đồng thời thực hiện đồng bộ hệ thống các giải pháp như sau:

 - Đổi mới công tác quản lý.

 - Xây dựng đội ngũ lãnh đạo các tổ chức đoàn thể phải luôn là người tiên phong trong các hoạt động chuyên môn và phong trào.

 - Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo các cấp về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

 - Tăng cường công tác tham mưu các cấp về xây dựng cơ sở vật chất.

 - Tiến hành kiểm định chất lượng và gắn với nhu cầu xã hội.

 - Chú trọng công tác xã hội hóa và tài trợ cho giáo dục.

 - Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ

 - Làm tốt công tác tham mưu và quan hệ với cộng đồng.

 **1. Đổi mới quản lý giáo dục:**

 + Tập trung lãnh đạo để phát triển nhà trường

 + Quan tâm đến tầm nhìn – sứ mạng – tạo giá trị, xây dựng và thực hiện các chương trình hành động để phát triển nhà trường.

 + Phải tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội.

 + Xây dựng các mục tiêu, kế hoạch: Tổ chức nhân sự, dạy học và giáo dục, tài chính và tài sản.

 + Huy động cộng đồng với luồng thông tin đa chiều, nhiều luồng.

 **2. Xây dựng đội ngũ nhà giáo:**

 + Động viên và tạo điều kiện cho giáo viên học tập để đạt và nâng chuẩn.

 + Động viên tự học tin học, Anh văn

 + Cử giáo viên, cán bộ quản lý đi tập huấn, tham quan, khảo sát và học tập ở các trường tiên tiến điển hình.

 **3. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp:**

 \* Đổi mới chương trình, nội dung:

 + Khảo sát và dự báo nhu cầu học sinh, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

 + Nghiên cứu bài soạn, bài giảng.

 + Tự học và tự bồi dưỡng.

 + Sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học.

 + Dự giờ, hội thảo, trao đổi kinh nghiệm.

 \* Đổi mới phương pháp: Theo phương châm lấy người học làm trung tâm học đi đôi với hành, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo.

 + Chuyển đổi mạnh mẽ từ dạy kiến thức là chủ yếu sang dạy phương pháp khai thác thông tin.

 + Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc độc lập, làm theo nhóm và kỹ năng thực hành là chủ yếu.

 + Đẩy mạnh công tác khảo thí, đảm bảo khách quan, công bằng và ngăn ngừa tiêu cực trong thi cử.

 **4. Xây dựng cơ sở vật chất:**

 + Tăng cường trang thiết bị dạy học để đáp ứng cho phương pháp dạy học mới.

 + Xây dựng kịp thời và đầy đủ các phòng bộ môn.

 + Xây dựng mạng lưới thông tin, thư viện và thư viện điện tử.

 + Nâng cấp hệ thống Internet không dây trong toàn trường.

 + Nâng cấp Web site của nhà trường.

 **5. Đảm bảo chất lượng thi đua và thanh tra:**

 + Thực hiện kiểm định chất lượng.

 + Xây dựng và ban hành tiêu chí thi đua trong các năm.

 + Gắn công tác bảo đảm chất lượng với công tác thi đua, chuẩn bị minh chứng cho kiểm định chất lượng và thi đua cho cá nhân và các tổ chuyên môn.

 + Tổ chức thanh tra, đánh giá theo kế hoạch.

 **6. Thực hiện xã hội hóa giáo dục:**

 + Huy động tài trợ cho giáo dục để phát triển nhà trường.

 + Xây dựng kế hoạch phát triển và kế hoạch tài chính hàng năm của nhà trường.

 + Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và cơ chế tài chính theo hướng tự chủ, hạch toán minh bạch các nguồn thu – chi.

 + Thực hiện tốt xã hội hóa giáo dục.

 + Phát huy hiệu quả các nguồn tài chính.

 **7. Đổi mới tổ chức quản lý:**

 + Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng nhà trường “Kỷ cương – Tình thương – Trách nhiệm”.

 + Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, vai trò của chính quyền, sự động viên quần chúng của các các tổ chức đoàn thể.

 + Thực hiện dân chủ hóa, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện.

 + Không ngừng đổi mới và sáng tạo trong quản lý: Đổi mới công tác thi đua, công tác kế hoạch, xây dựng và triển khai kế hoạch.

**V. Tổ chức thực hiện:**

 **1. Ban Giám hiệu**:

 - Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện chiến lược.

 - Là cầu nối, phổ biến, truyền đạt các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước đến với giáo viên; chiến lược giáo dục của nhà trường tới cơ quan cấp trên.

 - Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch.

 **2. Các tổ chuyên môn với Hiệu trưởng**:

 - Chủ động xây dựng kế hoạch, có sự phê duyệt của nhà trường, sau đó tổ chức thực hiện kế hoạch nhằm thực hiện chiến lược.

 - Chủ động, sáng tạo đề xuất các giải pháp để phát triển nhà trường.

 - Định kỳ kiểm tra để có biện pháp trợ giúp.

 **3. Tổ trưởng chuyên môn với giáo viên:**

 - Phân công công tác cho từng thành viên.

 - Động viên, đôn đóc thực hiện quy chế để đạt và vượt chỉ tiêu.

 - Tổ chức phối, kết hợp để giúp đỡ chuyên môn lẫn nhau.

 - Giám sát, kiểm tra, đánh giá.

 **4. Đối với mới cán bộ, giáo viên, nhân viên:**

 - Nêu tấm gương sáng về đạo đức.

 - Không ngừng tự học và sáng tạo để trau dồi kiến thức, kỹ năng, đổi mới phương pháp làm việc để nâng cao chất lượng công tác.

 **5. Đối với học sinh:**

 - Ra sức học tập và rèn luyện “Vì ngày mai lập nghiệp”.

 - Biết xây dựng và tự hào về truyền thống của nhà trường.

 **6. Đối với phòng Giáo dục:**

 - Phê duyệt kế hoạch chiến lược của nhà trường.

 - Hỗ trợ về cơ chế chính sách, tài chính và nhân lực để trường có thể thực hiện được các mục tiêu chiến lược đã đặc ra.

 - Quản lý nhà nước các hoạt động giáo dục và đào tạo của trường.

 - Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho nhà trường và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà trường phát triển.

 - Là đầu mối giúp trường có các mối liên hệ nhằm tìm kiếm các nguồn lực phát triển nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch chiến lược phát triển trường TH&THCS Trần Văn Ơn giai đoạn 2021-2023. Kế hoạch chiến lược này nhằm định hướng cho quá trình xây dựng và phát triển nhà trường trong thời gian 5 đến 10 năm tới; giúp cho nhà trường có sự điều chỉnh hợp lý trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm. Kế hoạch chiến lược cũng thể hiện sự quyết tâm của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường trong việc xây dựng nhà trường luôn xứng đáng với niềm tin của nhân dân, học sinh  đáp ứng ngày một tốt hơn các yêu cầu của đào tạo con người mới trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế./.

***Nơi nhận*: HIỆU TRƯỞNG**

- PGD&ĐT (b/c, phê duyệt);

- UBND xã Đắk Nia (b/c);

**Lê Hữu Vọng**

- Lưu VT, HSKĐ.

**Lê Hữu Vọng**

1. Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH về xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường và Công văn 2613/BGDĐT-GDTrH về triển khai thực hienj chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. [↑](#footnote-ref-1)
2. Khi xây dựng kế hoạch dạy học các môn học của tổ chuyên môn, lưu ý bổ trợ các kiến thức cần thiết của môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 không có trong Chương trình giáo dục phổ thông 2006 ở các lớp dưới; tạo thuận lợi cho HS học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở các lớp đầu cấp học. [↑](#footnote-ref-2)